

## BẢNG THAM CHIẾU

### Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

#### 1. Căn cứ sửa đổi, bổ sung

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng tại ND

155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

- Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

#### 2. Hướng dẫn tham chiếu:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Điều lệ hiện tại” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đen, gạch chân
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại mục “Nội dung sửa đổi, bổ sung” là phân chữ bôi đen, in đậm
- Các dòng chữ bị gạch ngang là nội dung đề xuất bỏ

#### 3. Nội dung tham chiếu sửa đổi, bổ sung:

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	
1		<b>Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 3 được các cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội cổ đông ..... của Công ty tổ chức vào ngày ...tháng ... năm 20....</b>	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ
	<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
	Điều 1: Giải thích thuật ngữ	Điều 1: Giải thích thuật ngữ	
2	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập <b>doanh nghiệp</b> và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập <b>công ty cổ phần</b> và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Theo khoản 34, Điều 4 Luật DN giải thích “Vốn điều lệ”
3		b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó	Theo khoản 33, Điều 4 Luật DN giải thích “Vốn có quyền



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	biểu quyết"
4	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b>68/2014/QH13</b> được Quốc hội thông qua <b>ngày 26 tháng 11 năm 2014.</b>	c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14</b> được Quốc hội thông qua <b>ngày 17 tháng 6 năm 2020;</b>	Sửa theo quy định tại khoản 1c Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
5	c. "Luật chứng khoán" là <b><u>Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></b>	d) <i>Luật Chứng khoán</i> là <b>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Sửa theo quy định tại khoản 1d Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
6	d."Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.	e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ( <b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương</b> ) lần đầu;	Sửa theo quy định tại khoản 1e Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
7	e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, <b><u>và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</u></b>	f) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <b>và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</b>	Sửa theo quy định tại khoản 1g Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC Khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
8		g) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;	Bổ sung thêm định nghĩa theo quy định tại khoản 1h Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
9	f."Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <b><u>khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</u></b>	h) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại <b>khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</b>	Sửa theo quy định tại khoản 1i Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC; Cập nhật Luật Chứng khoán; Luật Doanh nghiệp
10		i) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;	Bổ sung thêm định nghĩa theo quy định tại khoản 1k



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
			Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
11	g."Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <b><u>khoản 9 Điều 6</u></b> Luật chứng khoán;	j) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại <b><u>khoản 18 Điều 4</u></b> Luật Chứng khoán;	Sửa theo quy định tại khoản 1m Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC; Cập nhật Luật Chứng khoán
12	h.	k)	
13	i.	l)	
14		m) <i>Công ty có nghĩa</i> là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông;	Bổ sung thêm định nghĩa
18		n) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Bổ sung thêm định nghĩa theo quy định tại khoản 1o Điều 1 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
19	II. TÊN HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, <b>ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	
20	3. Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	3. Địa chỉ: Số 51B ngõ 40 Phố Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Thay đổi địa chỉ công ty
21	<b>5.</b> Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn <b><u>theo Điều 52.2</u></b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b><u>Điều 53</u></b> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty <b><u>sẽ bắt đầu từ ngày</u></b>	<b>5.</b> Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định <b><u>tại khoản 2 Điều 54</u></b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b><u>quy định tại Điều 55</u></b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<b><u>thành lập và là 50 năm.</u></b>	Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập.	
	<b>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	<b>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	
22	Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc điều hành	Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc	Điểm f khoản 1 Điều 1 – Giải thích thuật ngữ
23	Người đại diện theo pháp luật của <b><u>doanh nghiệp</u></b> là cá nhân đại diện cho <b><u>doanh nghiệp</u></b> thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của <b><u>doanh nghiệp</u></b> , đại diện cho <b><u>doanh nghiệp</u></b> với tư cách <b><u>nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u></b> trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Người đại diện theo pháp luật của <b><u>công ty</u></b> là cá nhân đại diện cho <b><u>công ty</u></b> thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của <b><u>công ty</u></b> , đại diện cho <b><u>công ty</u></b> với tư cách <b><u>người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u></b> trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Theo Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp
24	Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc <b><u>bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự</u></b> thì HĐQT cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.	Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc <b><u>chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u></b> thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.	Theo Khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp
	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	
	<b>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	<b>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	
25	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường	Sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho <u><b>các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu</b></u> , trừ trường hợp <u><b>cổ phần được bán qua Sổ Giao dịch Chứng khoán theo phương thức bán đấu giá</b></u> .	hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho <b>cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu</b> trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	
	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
	<b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b>	<b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b>	
	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u><b>khoản 1 Điều 120</b></u> Luật doanh nghiệp.	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 121</b> Luật Doanh nghiệp.	Sửa theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC; Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
	3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu- Phụ lục đính kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	4. <u>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u>	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp
	<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty, sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Sửa theo quy định tại Điều 8 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	<b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b>	
	1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng <b>trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác</b> . Cổ phiếu niêm yết, <b>đăng ký giao dịch</b> trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC; Theo Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp
	<b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b>	<b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b>	
	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</u>	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <b>và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</b>	Sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	3. <u>Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ</u>	3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường	Sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ mẫu - Phụ



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<u>tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 0, Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found. của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</u>	hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.	lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp của Công ty</u> . Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</b> . Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC  Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <u>thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <b>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
	<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	
	<b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát</b> Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát bao gồm: d. Tổng giám đốc điều hành.	<b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát</b> Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát bao gồm: d) Tổng giám đốc.	Sửa theo quy định tại khoản 1d Điều 11 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC; Điểm f khoản 1 Điều 1 - Giải thích thuật ngữ



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
	<b>Điều 12: Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 12: Quyền của cổ đông</b>	Điều 115 Luật Doanh nghiệp
	<b><u>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</u></b>	<b>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</b>	
	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;	a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền <b>hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</b>	
	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <b><u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u></b>	c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	
	d. Được ưu tiên mua <b><u>cổ phiếu mới chào bán</u></b> tương ứng với <b><u>tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</u></b>	d) Ưu tiên mua <b>cổ phần mới</b> tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;	
	e. Xem xét, tra cứu và trích lục <b><u>các thông tin</u></b> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e) Xem xét, tra cứu và trích lục <b>thông tin về tên và địa chỉ liên lạc</b> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	
	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	
	g. <b><u>Trường hợp</u></b> Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g) <b>Khi</b> Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 129</b> của Luật Doanh nghiệp	h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 132</b> Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
		i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	
		j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	
		k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
	i.	l)	
	<b>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên</u> có các quyền sau:</b>	<b>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</b>	
	a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 của Điều lệ này;		
	<b><u>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></b>	<b>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</b>	Cập nhật dẫn chiếu Luật Doanh nghiệp
	<b><u>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</u></b>	<b>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm</b>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	
	d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
		d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Điều 142 Luật Doanh nghiệp
		4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	
		b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	Điều 119 Luật Doanh nghiệp
	Cổ đông có nghĩa vụ sau:	Cổ đông <b>phổ thông</b> có các nghĩa vụ sau:	
		1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.	
		2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
	<b>1.</b> Tuân thủ Điều lệ Công ty và <b>các</b> quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	<b>3.</b> Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế <b>nội bộ về quản trị công ty.</b>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		4. Chấp hành Nghị quyết, <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
		5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	
	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	
	b. Ủy quyền cho <b>người khác</b> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.	b) Ủy quyền cho <b>cá nhân, tổ chức khác</b> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	
		c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	
		d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	
		e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	
	<u>3.</u>	7.	
	<u>4.</u>	8.	
	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <b>nguy cơ tài chính có thể xảy ra</b> đối với công ty.	9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <b>các rủi ro tài chính</b> đối với Công ty.	
	<u>5.</u>	10.	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	
	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan <u><b>có thẩm quyền</b></u> cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</b> , là cơ quan <b>quyết định</b> cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông <b>họp</b> thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b>	Điều 139 Luật Doanh nghiệp
	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và <del>ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo</del> . Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty <u><b>có thể</b></u> mời đại diện <u><b>công ty kiểm toán độc lập</b></u> dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm <b>được kiểm toán</b> . Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <b>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</b> , Công ty <b>phải</b> mời đại diện <b>tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</b> dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và <b>đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</b>	
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Điều 140 Luật Doanh nghiệp
	b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;		



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	e. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;	b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;	
	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông <b>bằng một văn bản kiến nghị</b> . Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);	c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp</b> ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</b> ;	
	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	
	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 140 Luật Doanh nghiệp
	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Khoản 3c của Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>Khoản 3d và 3e của Điều này</b> .	a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại <b>điểm b khoản 3 Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>điểm c và điểm d khoản 3 Điều này</b> ;	
	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 4a của Điều này</b> thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 136</b>	b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm a khoản 4 Điều này</b> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 140 Luật</b>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<b><u>Luật Doanh nghiệp.</u></b>	<b>Doanh nghiệp;</b>	
	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Khoản 4b của Điều này</u></b> thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b><u>Khoản 4b của Điều này</u></b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát <b><u>việc</u></b> triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm b khoản 4 Điều này</b> thì cổ đông <b>hoặc</b> nhóm cổ đông quy định tại <b>điểm c khoản 3 Điều này</b> có quyền <b>đại diện Công ty</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>tại Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát <b>trình tự, thủ tục</b> triệu tập, tiến hành họp <b>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
	d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
		<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát;</b></p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền</p>	Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		dự hợp theo quy định của Luật này; h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.	
	<b>Điều 15. Quyền và <u>nhiệm vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn</p>	Điều 138 Luật Doanh nghiệp



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<p>phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 37 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể</p>	<p>Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
		<p>từ ngày thành lập;</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<b>Điều 16. <u>Các đại diện được ủy quyền</u></b>	<b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Điều 144 Luật Doanh nghiệp
	<p><b>1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật pháp</u></b> có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, <b><u>tổ chức đại diện của mình tham dự</u></b>. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho</p>	<p><b>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	mỗi người đại diện.		
	<p>1. Việc ủy quyền cho <u>người đại diện</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho <b>cá nhân, tổ chức đại diện</b> dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>theo quy định tại khoản 1 Điều này</b> phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc mẫu của công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <b>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</b></p>	
	<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>		
	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi <b><u>có một trong các trường hợp sau đây</u></b>:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người</p>	<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi <b>xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp</b>:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<p>thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
	<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b>	<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b>	
	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u><b>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</b></u></p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <b>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p>	
	<p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện <u><b>được</b></u> ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày <u><b>sau đó</b></u> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần</p>	<p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện <b>theo</b> ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày <b>tiếp theo</b> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực</p>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Điều lệ này.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, <b>20</b> và 21 Điều lệ này.	
	4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến <b>chia sẻ</b> lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến <b>việc phân phối</b> lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
	<b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, <b>hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập</b> theo các trường hợp quy định tại Điều 14 của Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b> theo các trường hợp quy định tại <b>khoản 3</b> Điều 14 Điều lệ này.	
	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>những nhiệm vụ</b> sau đây:	2. Người triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>các công việc</b> sau đây:	
	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <b>không sớm hơn năm (05) ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <b>không quá 10 ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	Điều 141 Luật Doanh nghiệp
	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho	3. Thông báo <b>mời</b> họp Đại hội đồng cổ đông được gửi	Điều 143 Luật Doanh nghiệp



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	tất cả các cổ đông bằng phương thức <b><u>bảo đảm</u></b> , đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b><u>mười lăm (15) ngày</u></b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <del>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</del> ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	cho tất cả các cổ đông bằng phương thức <b><u>để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u></b> , đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <b><u>nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u></b> . Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b><u>21 ngày</u></b> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
	d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;		
	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <b><u>Kiểm soát viên</u></b> ;	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <b><u>thành viên Ban kiểm soát</u></b> ;	
	<b><u>c.</u></b>	<b><u>d)</u></b>	
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b><u>được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này</u></b> có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi <b><u>cho Công ty ít nhất</u></b> ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải <b><u>bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ</u></b>	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b><u>theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u></b> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải <b><u>ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó</u></b>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<u>tru sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u>	nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	
	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị <u>liên quan đến Khoản 4</u> của Điều này <u>trong các trường hợp sau</u> :	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị <b>quy định tại khoản 4</b> Điều này <b>nếu thuộc một trong các trường hợp sau</b> :	
	a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</u> ;	a) Kiến nghị được gửi đến không đúng <b>quy định tại khoản 4 Điều này</b> ;	
	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <b>10%</b> cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại <b>khoản 3</b> Điều 12 Điều lệ này;	b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <b>5%</b> cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại <b>khoản 3</b> Điều 12 Điều lệ này;	
		6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
	<b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Điều 145 Luật Doanh nghiệp
	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	
	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì <b>được triệu tập họp lần thứ hai</b> trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông <del>triệu tập</del> lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>ít nhất 33%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <b>thông báo mời họp lần thứ hai được gửi</b> trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>từ 33%</b> tổng số phiếu biểu quyết <b>trở lên</b> .	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	3. Trường hợp cuộc họp <del>triệu tập</del> lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <b><u>được triệu tập họp</u></b> lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 2. <del>Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</del>	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <b>thông báo mời họp</b> lần thứ ba <b>phải được gửi</b> trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>lần thứ ba</b> được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	
	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <b><u>điều 18.3 của Điều lệ này</u></b> .	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <b>điều 142 của Luật Doanh nghiệp</b> .	
	<b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	Điều 146 Luật Doanh nghiệp
	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <b>theo trình tự sau:</b>	
	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện <b><u>được</u></b> ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện <b><u>được</u></b> ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <del>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. <b><u>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u></b></del> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết	a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện <b>theo</b> ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện <b>theo</b> ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</b> Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. <b>Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</b> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;	
	3. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết <b><u>đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị thay đổi.</u></b>	b) Cổ đông, <b>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</b> hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết <b>trước đó không thay đổi.</b>	
		<b>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</b>	
	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b><u>các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</u></b> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát <b><u>điều khiển</u></b> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><b><u>Trong các trường hợp khác,</u></b> người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b><u>điều khiển cuộc họp</u></b> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất <b><u>được cử làm</u></b> chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.</b> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát <b><u>điều hành</u></b> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) <b>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này,</b> người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b><u>điều hành để</u></b> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất <b>làm</b> chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p><b>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</b></p>	
	<b><u>5.</u></b>	<b>3.</b>	
	<b><u>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></b>	<b>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội</b>	



TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
	<p><u>một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u></p> <p><u>9. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</u></p> <p><u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</u></p> <p><u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</u></p> <p><u>Người triệu tập họp Đại hội cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>	<p>đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
		<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	
		<p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
	<p><u>8. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không</u></p>	<p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p>	